

## LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

### 1. Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác

#### a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Kết quả thực hiện:	Giấy chứng nhận

#### b, Các bước

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký phương tiện thủy nội địa gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

### **c, Hồ sơ**

Thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 2 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng

ký không phải xuất trình giấy tờ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 2 - Phụ lục I;

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I

#### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

#### **e, Yêu cầu**

Không quy định

### **2. Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung**

a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã
Thời hạn giải quyết:	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Lệ phí:	không
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Kết quả thực hiện:	Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

b, Các bước

\* Nộp hồ sơ TTHC:

- Tổ chức cá nhân gửi hồ sơ đề nghị xác nhận trình báo đường thủy nội địa đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Cơ quan có thẩm quyền bao gồm:

+ Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trong vùng nước cảng, bến thủy nội địa thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình Cảng vụ Đường thủy nội địa trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa (ngoài vùng nước cảng, bến thủy nội địa) thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình báo tại một trong các cơ quan: Cảng vụ Đường thủy nội địa, đơn vị quản lý đường thủy nội địa, Cảnh sát đường thủy hoặc Ủy ban nhân dân gần nhất nơi xảy ra tai nạn, sự cố chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ thời điểm xảy ra tai nạn, sự cố hoặc kể từ khi phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá ghé vào cảng, bến thủy nội địa đầu tiên sau khi xảy ra tai nạn, sự cố.

+ Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra có liên quan đến hàng hóa trong hầm hàng thì trình báo đường thủy nội địa phải được trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 5 của Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2015 trước khi mở nắp hầm hàng. Trường hợp tai nạn, sự cố xảy ra với hàng hóa trong quá trình làm hàng (đã mở nắp hầm hàng) thì thực hiện, như trường hợp phương tiện thủy nội địa, tàu biển, tàu cá bị tai nạn, sự cố trên đường thủy nội địa.

\* Giải quyết TTHC:

- Khi thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện hoặc người được thuyền trưởng, người lái phương tiện ủy quyền nộp và xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa vào bản trình báo đường thủy nội địa.

- Thời hạn giải quyết xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa không quá 02 (hai) giờ làm việc đối với Cảng vụ đường thủy nội địa và 03 (ba) giờ làm việc đối với các cơ quan có thẩm quyền khác, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ theo quy định.

c, Thành phần hồ sơ:

- Các giấy tờ phải nộp đối với tàu biển:

+ Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu (02 bản);

+ Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc (02 bản);

+ Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc (02 bản).

- Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá:

+ Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu (02 bản);

+ Bản sao Tờ họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có), (02 bản).

- Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính):

+ Đối với tàu biển: Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc, Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc;

+ Đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá: Bản sao Tờ họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có).

- Đối với bản trình báo đường thủy nội địa, ngoài chữ ký của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện và đóng dấu của tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu cá (nếu có con dấu), còn phải có chữ ký của máy trưởng hoặc 01 (một) thủy thủ với tư cách là người làm chứng.

- Ngoài số lượng trình báo đường thủy nội địa được quy định nói trên, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có thể đề nghị xác nhận thêm các bản khác có cùng nội dung, nếu thấy cần thiết.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d, Căn cứ pháp lý

Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định thủ tục xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

e, Yêu cầu

Không có

### 3. Thủ tục đăng ký phương tiện thủy nội địa lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa

#### a, Thông tin thủ tục

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Lệ phí:	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Kết quả thực hiện:	Giấy chứng nhận

#### b, Các bước

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký phương tiện thủy nội địa gửi 01 bộ hồ sơ qua đường bưu chính, nộp trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Thành phần, số lượng bộ hồ sơ;

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 4 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT.

- Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ

sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 4 - Phụ lục I;

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I.

#### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

#### **e, Yêu cầu**

Không quy định

### **4. Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa**

#### **a, Thông tin thủ tục**

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký



Đối tượng thực hiện: Tổ chức

Kết quả thực hiện: Giấy chứng nhận

### **b, Các bước**

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ. Cơ quan đăng ký phương tiện tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

### **c, Hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 5 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

- Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 5 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

- Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 3 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

#### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

#### **e, Yêu cầu**

Không quy định

## **5. Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

### **a, Thông tin thủ tục**

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Kết quả thực hiện:	Giấy chứng nhận

### **b, Các bước**

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

### **c, Hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 7 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 7 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa

**e, Yêu cầu**

Không quy định

**6. Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

**a, Thông tin thủ tục**

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Kết quả thực hiện:	Giấy chứng nhận

**b, Các bước**

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

### **c, Hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 7 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có);

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 7 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

### **e, Yêu cầu**

Không quy định

## **7. Thủ tục Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác**

### **a, Thông tin thủ tục**

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Kết quả thực hiện:	Giấy chứng nhận

### **b, Các bước**

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

### **c, Hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 8 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 8 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa



## **e, Yêu cầu**

Không quy định

## **8. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

### **a, Thông tin thủ tục**

Lĩnh vực:	Lĩnh vực Đường thủy nội địa
Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Lệ phí: 70.000đ/1 giấy chứng nhận đăng ký
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Kết quả thực hiện:	Giấy chứng nhận

### **b, Các bước**

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

### **c, Hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 9 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đổi với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):

Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 9 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

#### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

#### **e, Yêu cầu**

Không quy định

### **9. Thủ tục Xóa đăng ký phương tiện**

#### **a, Thông tin thủ tục**

Lĩnh vực:

Lĩnh vực Đường thủy nội địa

---

Cơ quan ban hành:	UBND Tỉnh Hải Dương
Cơ quan trực tiếp thực hiện:	UBND cấp Xã
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
Thời hạn giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Lệ phí:	Không
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức, cá nhân
Kết quả thực hiện:	Giấy chứng nhận xóa đăng ký

### **b, Các bước**

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ hoặc gửi qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần của hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;

+ Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu điện hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, có văn bản gửi tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện cho chủ phương tiện. Trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí (phí) và nhận kết quả tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

### **c, Hồ sơ**

\* Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 10 - Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

- Giấy tờ quy định nêu trên được lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện đối với trường hợp xóa quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

\* Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định tại Mẫu số 10

- Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 75/2014/TT-BGTVT

#### **d, Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày ngày 19/12/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

**e, Yêu cầu:** Không